

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	Điều dưỡng
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Văn bằng:	Cử nhân
Khóa đào tạo:	Khóa 22 (2026 - 2030)
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	132
Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.	

HỌC KỲ 1: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 3)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		15			
DD70016	Giới thiệu ngành điều dưỡng	1	15	15	0
HH70003	Hoá học đại cương	2	30	30	0
DD70004	Giải phẫu học	2	30	30	0
DD70014	Dinh dưỡng và sức khỏe	2	30	30	0
XN70061	Hoá sinh cơ sở	2	45	15	30
DD70003	Dịch tễ học	2	30	30	0
DD70008	Sinh lý học	2	30	30	0
XN70003	Sinh học và di truyền	2	30	30	0
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
TH70001	Tin học 1(*)	2	45	15	30
Học phần tự chọn ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 7)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		13			
DD70009	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	30	0
DD70010	Điều dưỡng cơ bản I	2	30	30	0
DD70012	Điều dưỡng cơ bản II	2	30	30	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
DD70005	Thực hành Giải phẫu học	2	60	0	60
CB71103	Tâm lý học - Y đức	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	2	60	0	60
TH70002	Tin học 2(*)	2	60	0	60

Học phần tự chọn ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn cơ sở khối ngành(Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
DD71061	Hóa hữu cơ - vô cơ	2	30	30	0
XN70062	Hóa sinh y học	2	30	30	0
Học phần tự chọn kỹ năng (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần tự chọn GDTC (Chọn 1 trong 4 học phần)(*)		1			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 3)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		15			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
DD70011	Thực hành điều dưỡng cơ bản I	2	60	0	60
DD70013	Thực hành điều dưỡng cơ bản II	2	60	0	60
DD70015	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	0
DD70006	Dược lý	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần) (*)		1			
CB71413	Fitness	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 13 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		13			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
DD70027	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1	2	30	30	0

DD70028	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2	2	30	30	0
DD70024	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1	2	30	30	0
DD70025	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 2	2	30	30	0
DD70007	Thực hành dược lý	1	30	0	30
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần) (*)		9			
TA71334	English for International Certification	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 04)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		16			
DD70032	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	30	30	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
DD70034	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	30	30	0
DD70026	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	3	150	0	150
DD70029	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	2	150	0	150
DD70036	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 6 học phần)		4			
DD71017	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	2	30	30	0
DD71018	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	30	30	0
DD71023	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe & hành vi con người	2	30	30	0
DD71019	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	15	30
DD71020	Vật lý - Lý sinh	2	30	30	0
DD71022	Tổ chức y tế và quản lý y tế	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 07)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		13			
DD70030	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0

DD70033	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	100	0	100
DD70035	Thực hành bệnh viện Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1	50	0	0
DD70042	Quản lý điều dưỡng	2	30	30	0
DD70041	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	30	30	0
DD70037	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	100	0	100
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 định hướng sau)		7			
Định hướng Điều dưỡng đa khoa					
DD71083	Chăm sóc giảm nhẹ	3	45	45	0
DD71044	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	30	30	0
DD71046	Y học cổ truyền	2	30	30	0
Định hướng Điều dưỡng Sản phụ khoa					
DD71063	Chăm sóc phụ nữ, bà mẹ, sơ sinh nhiễm HIV/AIDS và hội chứng nghiện	2	30	30	0
DD70038	Chăm sóc sức khỏe, phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	30	30	
DD71064	Chăm sóc người bệnh ung thư phụ khoa	2	30	30	0
DD71067	Chăm sóc thai kỳ bình thường.	1	15	15	0
Định hướng điều dưỡng Phục hồi chức năng					
DD71084	Bệnh lý và vật lý trị liệu Cơ xương	4	60	60	0
DD71086	Bệnh lý và vật lý trị liệu Tim mạch – Hô hấp	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 13 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 3, tự chọn: 10)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc					
DD70031	Thực hành bệnh viện chăm sóc người bệnh cấp cứu & CS tích cực	3	150	0	150
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 định hướng sau)		10			
Định hướng Điều dưỡng đa khoa					
DD71051	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Ngoại (mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt)	2	30	30	0
DD71052	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ Nội (da liễu, lao, nội thần kinh)	2	30	30	0
DD71055	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao	2	30	30	0
DD71047	Thực tập cộng đồng	2	100	0	100

DD71048	Thực hành bệnh viện Y học cổ truyền	2	100	0	100
Định hướng Điều dưỡng Sản phụ khoa					
DD71065	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	30	30	0
DD71089	Chăm sóc thai phụ chuyển dạ và sinh thường.	2	30	30	0
DD71068	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ.	2	30	30	0
DD71066	Kế hoạch hóa gia đình	2	30	30	0
DD70039	Thực hành bệnh viện chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình	2	100	0	100
Định hướng điều dưỡng Phục hồi chức năng					
DD71045	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	30	30	0
DD71085	Bệnh lý và vật lý trị liệuThần kinh - cơ	4	60	60	0
DD71087	Bệnh lý và vật lý trị liệu Da-Tiết niệu-Nội tiết-Sinh dục	2	30	30	0
DD71049	Thực hành bệnh viện chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	100	0	100
HỌC KỲ 8: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4 , tự chọn: 6)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp					
Học phần bắt buộc					
DD70080	Thực tập tốt nghiệp	4	200	0	200
Khóa luận tốt nghiệp					
DD71081	Khoá luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
DD71088	Chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh	3	45	0	0
DD71082	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90